



## Trình tự nghiên cứu định lượng cơ bản cho các nghiên cứu

- Nghiên cứu thông thường
- Đề án môn học (ngắn hạn)
- Luận văn sau đại học (MA/MBA/Ph.D)


1



## Nghiên cứu là gì?

- Là quá trình thu thập và phân tích thông tin một cách hệ thống để tìm hiểu cách thức và lý do hành xử của sự vật, hiện tượng xung quanh chúng ta
  - Nghiên cứu luôn kế thừa công trình của người khác
    - Nghiên cứu trong quá khứ tạo điều kiện cho nghiên cứu hiện tại nhưng **KHÔNG PHẢI** là sao chép của người khác
  - Nghiên cứu có thể được lặp lại
  - Nghiên cứu có thể Tổng quát hóa
    - Nghiên cứu có thể ứng dụng giải thích cho các sự kiện nằm ngoài môi trường nghiên cứu


2



## Nghiên cứu là gì?..

- Nghiên cứu không được thực hiện 1 cách cô lập
  - Nó được dựa trên các lập luận logic
  - Nó gắn liền với lý thuyết và các nghiên cứu trước
- Nghiên cứu là "có thể thực hiện được"
  - Các câu hỏi nghiên cứu tốt có thể biến thành các dự án thực hiện được!
- Nghiên cứu mang lại lợi ích
  - Nghiên cứu cần lấy mục tiêu làm cho xã hội tốt hơn làm mục tiêu tối thượng của nhà nghiên cứu


3



## Phương pháp khoa học

- Cách tiếp cận một cách có triết lý để giúp ta hiểu thế giới xung quanh
- Các bước tuần tự tiêu chuẩn nhằm hình thành và trả lời các câu hỏi
- Hoặc các bước tuần tự tiêu chuẩn nhằm tìm ra những vấn đề và cách giải quyết chúng.


4



## Tại sao cần nghiên cứu?

- Để biết các phương pháp khoa học
- Để có thể lựa chọn và áp dụng các phương pháp khoa học
- Để có thể đánh giá các nghiên cứu (của ta và của người khác)
- Để tìm ra các solutions/policy recommendations/suggestion/limitation/further research

5



## Cân đối: nhu cầu và khả năng

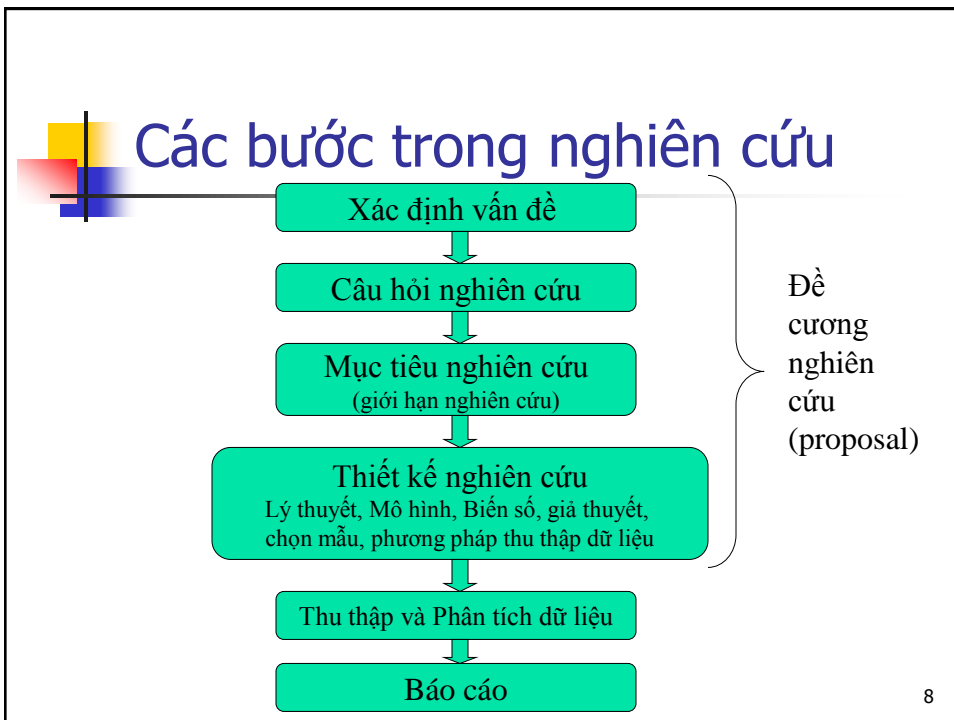
- Chúng ta có cần làm nghiên cứu?
  - Tổn kém time/money/opportunity costs nhưng?
  - Có giá trị cho policy makers?
  - Có quan trọng cho các đối tượng liên quan?
- Chúng ta không thực hiện nghiên cứu ?
  - Không có thời gian
  - Không có tiền
  - Không có lợi cho ai
  - Không thể thu thập thông tin cần thiết

6

## Các tiếp cận nghiên cứu

1. **Cảm giác (INTUITION)**  
 Chúng ta "giải quyết vấn đề"  
 bằng cảm giác chủ quan???
2. **Độc đoán (AUTHORITY)**  
 Bà nội, chuyên gia
3. **Khoa học (SCIENCE)**  
 Nghiên cứu thực nghiệm  
 (Empirical test)

7



## Vấn đề nghiên cứu (Research Problem)

- Là vấn đề mà ta quan tâm hay buộc ta phải nghiên cứu
- VD:
  - Một Ngân hàng muốn xác định xem số dư tiền mặt trung bình trong dân chúng để đề ra chính sách huy động tiền gửi
  - Tại sao lượng du khách viếng thăm một điểm đến bị sút giảm?

9

## Định nghĩa vấn đề

■ Vấn đề là gì?(target/hot/cause/improve. . .)

- Thể hiện vấn đề: Câu hỏi nghiên cứu/giả thuyết
  - Hệ quả cho câu hỏi nghiên cứu sai
  - Gợi ý chính sách sai lầm
- Ví dụ:
  - Liệu duy trì lãi suất thực dương sẽ huy động được tiết kiệm?
  - Liệu những người tham gia dự án có thu nhập cao hơn những người không tham gia dự án?

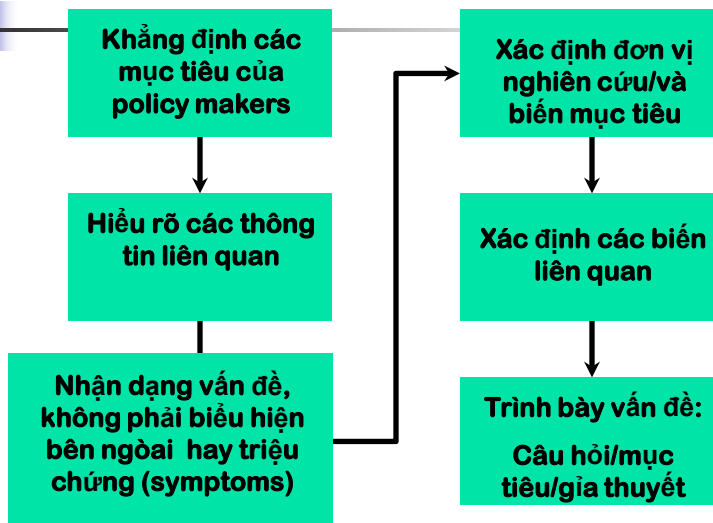
10

## Các nguồn thông tin nhận dạng vấn đề

- Phân tích xu thế
- Các báo cáo được công bố
- Các than phiền/khó khăn từ stakeholders
- Đề xuất cải thiện tình trạng của vấn đề
  - Như vậy cần thiết phải giảm mức trầm trọng
  - Nên đề xuất với policy makers quan tâm khía cạnh nào?
  - Đã có giải pháp nào đã và đang xảy ra so với tiếp cận mới?

11

## Quá trình định nghĩa vấn đề



12

## Ví dụ: “vấn đề sao chép”

### Initial statement of the problem

“Quá nhiều sinh viên sao chép từ các tác phẩm khi làm bài tập mà không có một chú thích rõ ràng nguồn gốc”

- Stakeholders
    - Sinh viên sao chép, sinh viên không sao chép, gia đình sinh viên, ban giảng viên, bộ phận quản lý trường đại học, chính phủ, xã hội
  - Problem owner
    - Trường đại học và ban giảng viên
    - Tập thể sinh viên
    - Trình bày vấn đề
- Vậy các nhân tố nào ảnh hưởng đến vấn đề sao chép và làm thế nào có thể giảm thiểu nó?

13

## Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu tốt khi:

- Nằm trong bối cảnh thực tế đang diễn ra
- Xác định giới hạn nghiên cứu
- Cung cấp định hướng cho nghiên cứu
- Làm cơ sở cho việc trả lời câu hỏi bằng nghiên cứu thực nghiệm qua proposal

14



## Câu hỏi nghiên cứu

### ■ Câu hỏi về sự khác biệt

- So sánh
- VD: Có sự khác nhau về mức chi tiêu cho học tập giữa Nam và Nữ sinh viên của khóa MPP 1 hay không?
- Câu hỏi về sự liên hệ
  - Xác định mức độ liên hệ của các hiện tượng
  - VD: mức độ ảnh hưởng của chính sách tăng giá xe bus với doanh thu của tập đoàn xe bus như thế nào?
- Câu hỏi xác định
  - Xác định
  - VD: Các nhân tố nào dẫn đến việc sao chép của sinh viên hiện nay?

15



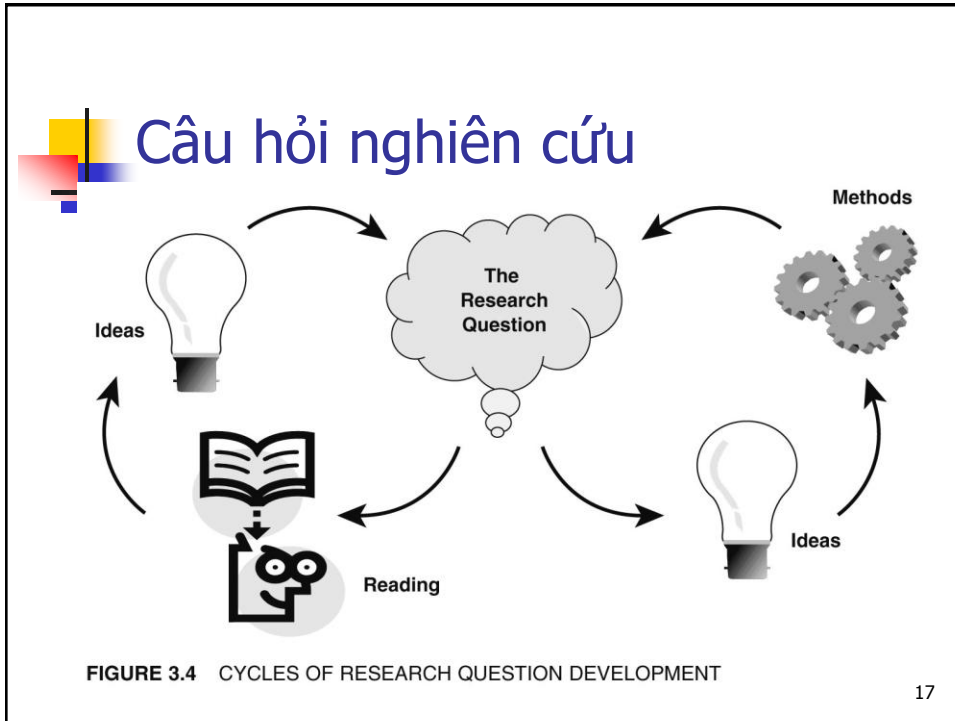
## Câu hỏi nghiên cứu

### Cách đánh giá câu hỏi nghiên cứu

- Câu hỏi này có trả lời được không?
  - Thông tin để trả lời cho câu hỏi này có thể thu thập được không?
  - Tôi có kỹ năng để tiếp cận và phân tích thông tin trên không? Nếu không, tôi có thể phát triển kỹ năng này không?
  - Tôi có thể thực hiện nó trong thời gian cho phép không?
  - Nó có vượt quá ngân sách của tôi không?
  - Có vấn đề ảnh hưởng đạo đức nào không?

16





17

## Mục tiêu nghiên cứu

- Là xác định những kết quả cần đạt để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu
- VD:
  - **Câu hỏi nghiên cứu:** nhân tố nào ảnh hưởng đến việc sao chép của sinh viên?
  - **Mục tiêu nghiên cứu:**
    - Xác định các nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến sao chép
    - Gợi ý các chính sách tác động tích cực đến việc giảm thiểu hiện tượng sao chép.

18

## Yêu cầu mục tiêu nghiên cứu

- **Yêu cầu tối thiểu cho các câu hỏi nghiên cứu là gì?**
  - Cụ thể
  - Đo lường được trong thực tế
  - Bao nhiêu mục tiêu thì đủ/quá nhiều?
  - Rule of 5

19


## Mối quan hệ giữa câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Tầm quan trọng của nghiên cứu, Đã có công trình nghiên cứu này chưa? Họ đã khám phá được gì?

```

graph TD
    A[Câu hỏi nghiên cứu] --> B1[Giả thuyết]
    A --> B2[Giả thuyết]
    A --> B3[Giả thuyết]
    B1 --> C[Mục tiêu cụ thể]
    B2 --> C
    B3 --> C
    
```


20



## Giả thuyết

- Giả thuyết là một cách diễn đạt khách quan câu hỏi nghiên cứu
  - Phản ánh vấn đề cơ bản của nghiên cứu
  - Nêu lại vấn đề cơ bản theo hình thức đủ chính xác để có thể tiến hành kiểm tra
  - Nó mô tả mối quan hệ giữa các nhân tố
- Nó thể hiện dưới dạng kiểm tra được (xác nhận hay không xác nhận – support or refute)
  - Nếu giả thuyết được xác nhận => đóng góp vào khám phá của đề tài
  - Nếu giả thuyết không được xác nhận => tìm hiểu xem nhân tố nào là quan trọng cần nghiên cứu thêm

21




## Giả thuyết

Hai loại giả thuyết

- Giả thuyết không (null hypothesis)
- Giả thuyết nghiên cứu (research – có khi còn gọi là alternative hypothesis = giả thuyết khả năng)


22



## Giả thuyết

### Giả thuyết không (null)

- Lý do:
  - Thiếu các thông tin để phát triển giả thuyết chi tiết
    - Xuất phát điểm cho nghiên cứu
- Thể loại
  - Cho rằng không có sự khác biệt giữa các quan sát
    - VD: Giả thuyết rằng chỉ tiêu cho học tập của Nam và Nữ không khác biệt nhau
  - Cho rằng không có mối quan hệ giữa biến độc lập và biến phụ thuộc
    - VD: Giả thuyết rằng mức độ chi tiêu cho học tập không phụ thuộc vào giới tính <sup>23</sup>



## Cơ sở lý thuyết : khung phân tích

- Mục đích - trình bày một biến lý thuyết chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố nào đó.
- ✓ Chúng ta quan sát chúng trong thực tiễn bằng các biến đại diện.
- ✓ Kiểm định mối quan hệ giữa các biến bằng phương pháp định lượng.
- ✓ Ví dụ:
  - Lý thuyết: cầu phụ thuộc vào thị hiếu (taste/preference)
  - Quan sát: doanh số phụ thuộc vào các proxiers?

24

## Lý thuyết: GOOD ?

- Giải thích được quan sát thực tế hiện hành
- Dự đoán được sự thay đổi trong tương lai
- Hữu ích: có thể ứng dụng được trong tình huống cụ thể
- Đơn giản trong việc giải thích các hiện tượng
- Lý thuyết được kiểm định trong thực tế

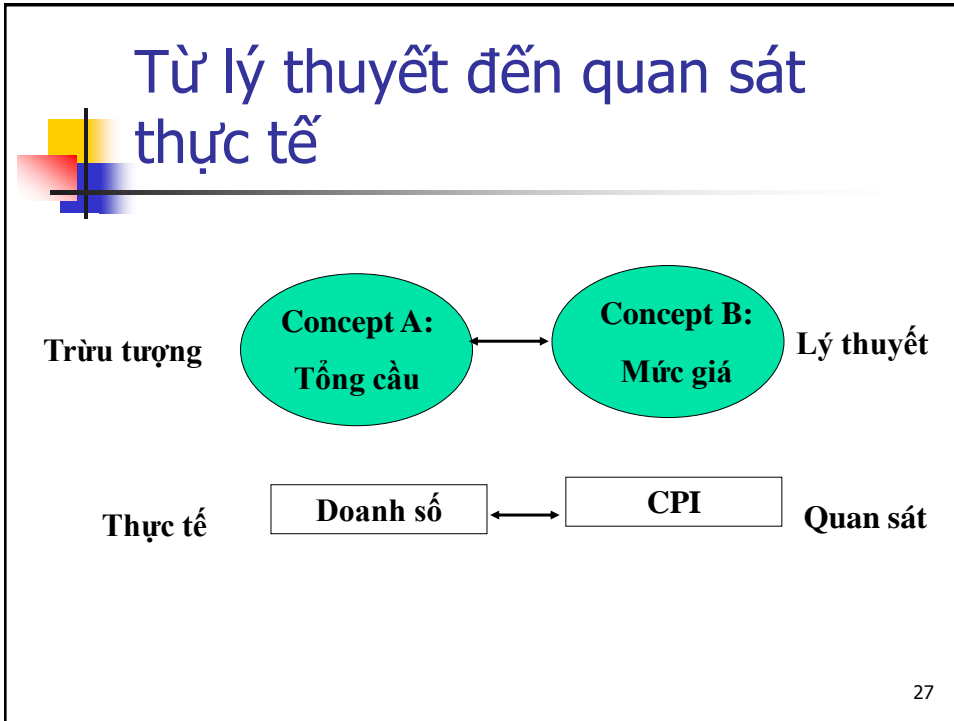
25

## Lý thuyết & quan sát thực tế


**Observation  
(Thực tế)**

**Theory  
(Khái niệm)**

26




- ## Tổng quan lý thuyết cho nghiên cứu
- Lý thuyết truyền thống
  - Các lý thuyết mới
  - Các nghiên cứu thực nghiệm đã tiến hành
  - Tổng hợp và mở rộng hoặc thu hẹp theo phạm vi nghiên cứu
  - Một ví dụ thông thường
- 28



## Một ví dụ: tổng quan lý thuyết

- $S = f(A,W,O)$  (Wai 1972)
- $TDE = g(IFS MAY, IRD, SES, DTC, RFI, QFS, B)$
- $TDE = h(MAD, IRD, DTC1, DTC2, RFI, SFISES, OFISES, B, IFIad, QFSsa)$
- A: khả năng tiết kiệm
- W: nhiệt tình tiết kiệm
- O: cơ hội tiết kiệm
- IFSMAY: các qui định liên quan đến small savers
- IRD: lãi suất tiền gửi
- SES: bảo hiểm tiền gửi
- DTC: chi phí giao dịch
- RFI: cung cấp dịch vụ khác ngoài tiền gửi
- B: số chi nhánh
- QFS: chất lượng dịch vụ
- 

29



## Một ví dụ: tổng quan lý thuyết

- MAD: số tiền gửi tối thiểu qui định
- DTC1: thời gian thực hiện giao dịch
- DTC2: số chứng từ cần thiết
- SFISES: khu vực định chế hoạt động
- OFISES: sở hữu định chế
- QFSsa: lương nhân viên
- IFI: thông tin về định chế
- IFIad: số lần đăng báo/quảng cáo trong năm.

30

## Tổng quan lý thuyết

- Cấu trúc của phần này được xây dựng dựa trên Mô hình phân tích (Analytical Framework) của nghiên cứu
- Trong một số trường hợp, mô hình này còn được gọi là Mô hình khái niệm (Conceptual Framework)
  - Sơ đồ diễn tả mối quan hệ giữa các nhân tố (biến số)
  - Đây là cơ sở để xây dựng các giả thuyết

31

## Ví dụ về mô hình phân tích

```

    graph LR
      A([Giới tính]) --> D([Mức chi tiêu cho thời trang])
      B([Nghề nghiệp]) --> D
      C([Thu nhập]) --> D
      subgraph Independent_Variables [Biến số độc lập (Independent variables)]
        A
        B
        C
      end
      subgraph Dependent_Variables [Biến số phụ thuộc (Dependent variables)]
        D
      end
    
```

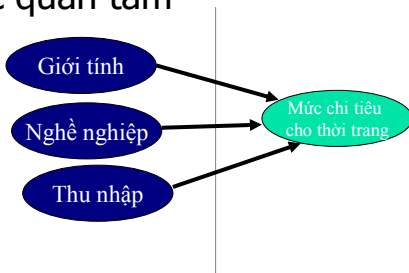
Biến số độc lập (Independent variables)      Biến số phụ thuộc (Dependent variables)

32



## Các biến số

Hai loại biến số (cơ bản)

- Biến số phụ thuộc
  - Thể hiện mục tiêu chịu tác động đang được quan tâm
  - VD:
 

```

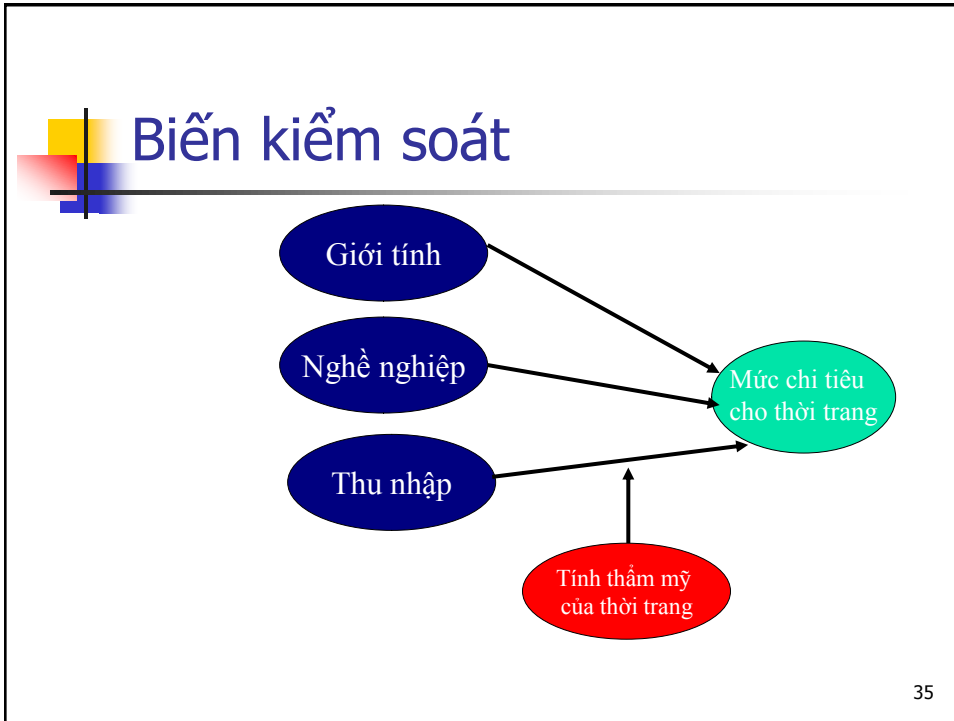
                    graph LR
                        A(Giới tính) --> D(Mức chi tiêu cho thời trang)
                        B(Nghề nghiệp) --> D
                        C(Thu nhập) --> D
                    
```

33

## Các biến số

- Biến độc lập
  - Là các nhân tố tác động vào mục tiêu kể trên
- Có thể có nhiều Biến độc lập cùng tác động vào mục tiêu
- Chọn biến độc lập nào để quan sát là tùy theo mục tiêu nghiên cứu của đề tài

34




## Biến kiểm soát

### Nhận xét

- Biến kiểm soát cũng tác động vào biến phụ thuộc như biến độc lập
  - Nhưng sự tác động đó không phải là điều mà ta đang quan tâm.
  - Ta đưa vào mô hình phân tích vì không thể bỏ qua sự tác động của nó khi xem xét các tác động của biến độc lập


36



## Thiết kế nghiên cứu

- **Kế hoạch khoa học nhằm giải quyết vấn đề/câu hỏi nghiên cứu.**
- **Nêu ra tiếp cận cơ bản nhất giải quyết vấn đề.**
- **Hai cách tiếp cận cơ bản:**
  - Thống kê mô tả (Descriptive Statistics) (không đủ mạnh)
  - Nhân quả (Causal) (phù hợp)


37



## Thiết kế nghiên cứu (tt)

- **Mô tả (Descriptive):**
  - Trả lời who, what, why and how
  - Observation-data: graphs/cross tables
- **Econometrics**
  - Hình thành mối quan hệ giữa các biến
  - Thu thập dữ liệu
  - Kiểm định giả thuyết


38



## Nghiên cứu mô tả

- **Mô tả các hiện tượng kinh tế - xã hội**
- **Đo lường/phát hiện xu hướng**
- **e.g. Nghèo đói/các xu hướng liên quan**
- ✓ **Giáo dục**
- ✓ **Y tế**
- ✓ **Việc làm**
- ✓ **Giới tính**
- ✓ **Dân tộc**

39



## Nguồn dữ liệu

- **Data:**
  - Secondary: thứ cấp (already exists)
  - Primary: sơ cấp (you collect it)
- **Nguồn:**
  - Tự điều tra
  - Công bố (ví dụ WEI, VLSS)

40



## Thảo luận (trình bày) kết quả

- Chuyên nghiệp
- Mức độ giải thích chi tiết
- Viết cho người khác đọc
- Nêu các tìm kiếm từ phân tích (trả lời câu hỏi nghiên cứu? Yes/No/Why?)
- Gợi ý các chính sách
- Giới hạn nghiên cứu
- Phụ lục
- Tài liệu tham khảo

41